

TRỤC THẲNG CÓ 2 ĐẦU REN TRONG, CÓ RÃNH THEN

STRAIGHT SHAFT - BOTH ENDS FEMALE THREAD - KEYWAY



Mã đặt hàng/Order

Mã Loại Type code	- D	- L	- M	- N	- RX	- X	- RP	- P	- RT	- T	-
											A
											B
											C

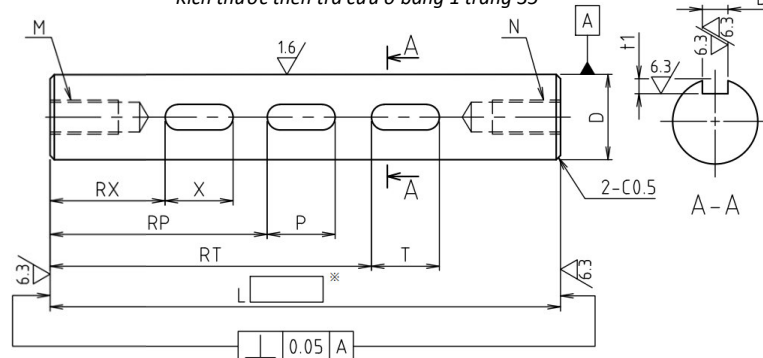
EX: SFKS - D25 - L300 - M8 - N8 - RX10 - X10 - RP90 - P30 - RT210 - T15 - A



Thông số kích thước có thể tùy chỉnh

Dimensions can be customized

Kích thước then tra cứu ở bảng 1 trang 35



Loại Type	Vật liệu Materials	Độ cứng Hardness	Xử lý bề mặt Surface Treatment
SFKS	T.Đương SUJ2 SUJ2 Equiv.	55-62 HRC	Mạ Crom cứng HCr Hard Chrome Plating
CSFKS	S45C		
SSFKS	SUS304		

Loại Type	Đường kính Diameter			L (Gia số 1mm) (1mm Increment)	M,N	RX, X	RP, P	RT, T
	Dung sai Tolerance	g6	h7					
	D	SUJ2	S45C	SUS304				
SFKS	10	○	○	○	25-800	3 - 6		
	12	○	○	○		4 - 8		
	13		○		25-1000			
	15			○		4 - 10		
CSFKS	16	○	○			4 - 12		
SSFKS	20	○	○	○	25-1500	4 - 16		
	25	○	○	○		4 - 20		
	30	○	○					

Các kích thước không đề cập dung sai vui lòng tra dung sai tiêu chuẩn ở bảng 2 trang 1.

The dimensions not mentioned the tolerances please refer to the standard tolerance in table 2 page 1.



GIAO HÀNG NHANH CHÓNG
DELIVERY AS SOON AS POSSIBLE



DUNG SAI TÙY CHỈNH
REQUIRED TOLERANCE

Kích thước tùy chỉnh L Customized length L	Dung sai yêu cầu	Dung sai Tolerance	Áp dụng cho L Apply to L
	A	±0.03	L ≤ 600
	B	±0.05	L ≤ 800
	C	±0.1	L ≤ 1000

✳ Có thể yêu cầu dung sai cho kích thước này. (You may specify the tolerance based on this dimension)